TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập–Tự do–Hạnh phúc

Bản án số: 09/2019/ HNGĐ-ST
Ngày 13-2-2019
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Võ Công Bằng

-*Các hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Trần Văn Hưng

2. Ông Nguyễn Văn Trước

-Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Tuyết Hoa –Thư ký Toà án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

-Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Long Hồ: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 13 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm thụ lý số: 483/ 2018/ TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018, về việc " Tranh chấp ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 28 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Thu N, sinh năm: 1975.
Địa chỉ: ấp H, xã P, huyện H, tỉnh L

2.Bị đơn: Anh Nguyễn Thành T, sinh năm: 1974
Địa chỉ: ấp H, xã P, huyện H, tỉnh L

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện ngày 05/11/2018 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Hồ Thị Thu N trình bày:

Vào năm 1995 qua mai mối chị và anh Nguyễn Thành T tiến đến hôn nhân, có làm lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh L.

Thời gian sau ngày cưới anh chị chung sống hạnh phúc và có với nhau 03 người con chung. Cuộc sống hạnh phúc kéo dài đến khoảng năm 2008 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường hay cải nhau, anh T thường xuyên nhậu nhẹt, nhiều lần đánh đập, xúc phạm danh dự của chị và cha mẹ

chị. Anh T còn không chung thủy trong cuộc sống vợ chồng, không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Bản thân nhiều lần cố gắng khắc phục mâu thuẫn để tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không được. Anh chị sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay.

Về con chung: Có 03 con chung tên: Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 04/8/1996, Nguyễn Thị Cẩm Th, sinh ngày 09/6/2000 và Nguyễn Tấn H, sinh ngày 08/5/2005. Khi ly hôn chị đồng ý giao cháu H cho anh T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

-Bị đơn anh Nguyễn Thành T vắng mặt trong các lần phiên hòa giải và phiên họp về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ. Tại phiên tòa anh T cung cấp cho Hội đồng xét xử bản khai ý kiến đối với yêu cầu của chị N như sau: Anh còn thương chị và không đồng ý ly hôn. Anh hứa không để chị khổ, sẽ chăm lo cho gia đình hơn, ai cũng phải có lỗi, có sai lầm, anh xin nhận lỗi với chị và không đồng ý ly hôn.

-Cháu Nguyễn Tấn H trình bày: Cháu là con ruột của chị N và anh T. Khi cha mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu là ở với anh T.

-Ý kiến của các đương sự tại phiên tòa:

Chị N vẫn bảo lưu yêu cầu ly hôn với anh T. Về con chung chị đồng ý giao cháu H cho anh T nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, về nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Anh T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N. Cháu H đang chung sống với anh. Anh đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu H. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, về nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 638 ngày 20 tháng 12 năm 2002. Do đó hôn nhân của chị N và anh T là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2]. Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Trong thời gian chung sống tình cảm của anh chị có những bất đồng không giải quyết được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên anh chị sống ly thân với nhau từ nhiều năm nay. Chị N cho rằng khi sống chung với anh T chị không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn và không muốn đoàn tụ với anh T.

Xét, hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện. Mục đích hôn nhân là đem lại hạnh phúc cho nhau, cùng nhau chung sống, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ, lo cho hạnh

phúc gia đình. Nhưng mâu thuẩn của chị N và anh T đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được. Đới với anh T, anh cũng thừa nhận trong thời gian chung sống với chị, anh cũng thường hay nhậu nhẹt, có thời gian anh cũng gây ra nợ nần làm cho cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẩn. Anh cho rằng vẫn còn thương vợ con và không muốn ly hôn với chị N. Nhưng tại phiên tòa chị N vẫn bảo lưu ý kiến là được ly hôn với anh T. Cho thấy mâu thuẩn của chị N và anh T không thể hàn gắn được, việc chị N yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: 02 cháu T và Th đã trưởng thành. Riêng cháu H nguyện vọng của cháu là được ở với anh T. Tại phiên tòa chị N và anh T trình bày cháu H đang chung sống với anh T. Chị N cũng đồng ý giao cháu H cho anh T nuôi dưỡng, anh T cũng có nguyên vọng nuôi cháu H do đó giao cháu H cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Buộc chị N phải nộp toàn bộ tiền án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 3, Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hồ Thị Thu N được ly hôn với anh Nguyễn Thành T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tấn H, sinh ngày 08/05/2005 cho anh Nguyễn Thành T tiếp tục nuôi dưỡng. Chị N có quyền tới lui thăm nom và chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Buộc chị Hồ Thị Thu N nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm. Chị N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo lai thu số 0001937, ngày 03 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ nên được khấu trừ.

7. Quyền kháng cáo: Án xử có mặt nguyên đơn, bị đơn, báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh Vĩnh Long;
-VKSND huyện Long Hồ;
-CC THADS huyện Long Hồ;
-Ủy ban nhân dân xã P-LH-VL
-Các đương sự trong vụ án;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Công Bằng